



MGALLERY VIETNAM

PHỤ LỤC ĐẦY ĐỦ – DANH MỤC IB & IIB

FULL APPENDIX – LIST OF CATEGORIES IB & IIB

Theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP VN/ According to Decree 06/2019/ND-CP of Vietnam

NHÓM IB/IIB group

TT No	Tên Tiếng Việt Vietnamese name	Tên khoa học Scientific name	Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Endangered, rare, and precious species are given priority for protection.	Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
B	ĐỘNG VẬT			
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA		
	BỘ CÁ SẺU	CROCODILIA		
	Họ Cá sấu	Crocodylidae		
1.	Cá sấu nước lợ (Cá sấu hoa cà)	Crocodylus porosus		IB
2.	Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	Crocodylus siamensis		IB
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA		
	Họ Tắc kè	Gekkonidae		

3.	Tắc kè đuôi vàng	Cnemaspis psychedelica	X	IB
	Họ Thằn lằn cá sấu	Shinisauridae		
4.	Thằn lằn cá sấu	Shinisaurus crocodilurus	X	IB
	Họ Kỳ đà	Varanidae		
5.	Kỳ đà vân	Varanus nebulosus (trước đây là Varanus bengalensis)		IB
	Họ Rắn hổ	Elapidae		
6.	Rắn hổ chúa	Ophiophagus hannah	X	IB
	BỘ RÙA	TESTUDINES		
	Họ Rùa đầu to	Platysternidae		
7.	Rùa đầu to	Platysternon megacephalum	X	IB
	Họ Rùa đầm	Geoemydidae		
8.	Rùa batagur miền nam	Batagur affinis		IB
9.	Rùa hộp bua-rê (Rùa hộp trán vàng miền trung)	Cuora bourreti	X	IB
10.	Rùa đẹp (Rùa hộp ba vạch)	Cuora cyclornata (trước đây là Cuora trifasciata)	X	IB
11.	Rùa hộp trán vàng (Rùa hộp trán vàng miền bắc)	Cuora galbinifrons	X	IB
12.	Rùa hộp việt nam (Rùa hộp trán vàng miền nam)	Cuora picturata	X	IB

13.	Rùa trung bộ	Mauremys annamensis	X	IB
	Họ Ba ba	Trionychidae		
14.	Giải khổng lồ	Pelochelys cantorii	X	IB
15.	Giải sin-hoe (Giải thưởng hải)	Rafetus swinhoei	X	IB
	LỚP CHIM	AVES		
	BỘ GÀ	GALLIFORMES		
	Họ Trĩ	Phasianidae		
16.	Công	Pavo muticus	X	IB
17.	Gà so cổ hung	Arborophila davidi	X	IB
18.	Gà lôi lam mào trắng	Lophura edwardsi	X	IB
19.	Gà tiền mặt vàng	Polyplectron bicalcaratum	X	IB
20.	Gà tiền mặt đỏ	Polyplectron germaini	X	IB
21.	Trĩ sao	Rheinardia ocellata	X	IB
22.	Gà lôi tía	Tragopan temminckii	X	IB
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES		
	Họ Vịt	Anatidae		
23.	Ngan cánh trắng	Asarcornis scutulata	X	IB
	BỘ Ô TÁC	OTIDIFORMES		
	Họ Ô tác	Otididae		
24.	Ô tác	Houbaropsis bengalensis	X	IB
	BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES		
	Họ Bò câu	Columbidae		
25.	Bò câu nicoba	Caloenas nicobarica		IB

	BỘ SẾU	GRUIFORMES		
	Họ Chân bơi	Heliornithidae		
26.	Chân bơi	Heliopais personata	IB	
	Họ Sếu	Gruidae		
27.	Sếu đầu đỏ	Grus antigone	X	IB
	BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES		
	Họ Rẽ	Scolopacidae		
28.	Rẽ mỏ thìa	Calidris pygmaea	X	IB
29.	Choắt lớn mỏ vàng	Tringa guttifer	X	IB
	BỘ HẠC	CICONIIFORMES		
	Họ Hạc	Ciconiidae		
30.	Hạc cổ trắng	Ciconia episcopus	X	IB
31.	Già đầy lớn	Leptoptilos dubius		IB
32.	Già đầy nhỏ	Leptoptilos javanicus	X	IB
33.	Cò lạo xám	Mycteria cinerea		IB
	BỘ CHIM ĐIÊN	SULIFORMES		
	Họ Cỏ rằn	Anhingidae		
34.	Cỏ rằn (Điêng điểng)	Anhinga melanogaster		IB
	BỘ BỒ NÔNG	PELECANIFORMES		
	Họ Cò quắm	Threskiornithidae		
35.	Cò thìa	Platalea minor	X	IB
36.	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	Pseudibis davisoni	X	IB
37.	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	Pseudibis gigantea	X	IB
	Họ Diệc	Ardeidae		

38.	Cò trắng trung quốc	Egretta eulophotes		IB
39.	Vạc hoa	Gorsachius magnificus	X	IB
	Họ Bồ nông	Pelecanidae		
40.	Bồ nông chân xám	Pelecanus philippensis	X	IB
	BỘ ƯNG	ACCIPITRIFORMES		
	Họ Ưng	Accipitridae		
41.	Đại bàng đầu nâu	Aquila heliaca		IB
42.	Kền kền ben-gan	Gyps bengalensis		IB
43.	Ó tai	Sarcogyps calvus		IB
44.	Diều hoa miến điện	Spilornis cheela		IB
	BỘ HỒNG HOÀNG	BUCEROTIFORMES		
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae		
45.	Niệc cổ hung	Aceros nipalensis	X	IB
46.	Niệc mỏ vằn	Aceros undulatus	X	IB
47.	Niệc nâu	Anorrhinus austeni		IB
48.	Hồng hoàng	Buceros bicornis	X	IB
	BỘ CẮT	FALCONIFORMES		
	Họ Cắt	Falconidae		
49.	Cắt lớn	Falco peregrinus		IB
	BỘ SẼ	PASSERIFORMES		
	Họ Khướu	Leiothrichidae		
50.	Khướu ngọc linh	Trochalopteron ngoclinhense	X	IB
51.	Khướu ngực cam	Garrulax annamensis		IB

52.	Khướu konkakinh	Ianthocincla konkakinhensis	X	IB
53.	Mi núi bà	Laniellus langbianus	X	IB
54.	Khướu đầu đen má xám	Trochalopteron yersini	X	IB
	Họ Sẻ đồng	Emberizidae		
55.	Sẻ đồng ngực vàng	Emberiza aureola		IB
	LỚP THÚ	MAMMALIA		
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES		
	Họ Cu li	Lorisidea		
56.	Cu li lớn	Nycticebus bengalensis	X	IB
57.	Cu li nhỏ	Xanthonycticebus pygmaeus (Nycticebus pygmaeus)	X	IB
	Họ Khỉ	Cercopithecidae		
58.	Chà vá chân xám	Pygathrix cinerea	X	IB
59.	Chà vá chân nâu	Pygathrix nemaeus	X	IB
60.	Chà vá chân đen	Pygathrix nigripes	X	IB
61.	Voọc mũi hếch	Rhinopithecus avunculus	X	IB
62.	Voọc xám	Trachypithecus crepusculus	X	IB
63.	Voọc mõng trắng	Trachypithecus delacouri	X	IB
64.	Voọc đen má trắng	Trachypithecus francoisi	X	IB
65.	Voọc bạc đông dương	Trachypithecus germaini	X	IB

66.	Voọc đen hà tĩnh	Trachypithecus hatinhensis	X	IB
67.	Voọc bạc trường sơn	Trachypithecus margarita	X	IB
68.	Voọc cát bà	Trachypithecus poliocephalus	X	IB
	Họ Vượn	Hylobatidae		
69.	Vượn má vàng trung bộ	Nomascus annamensis	X	IB
70.	Vượn đen tuyền	Nomascus concolor	X	IB
71.	Vượn má vàng	Nomascus gabriellae	X	IB
72.	Vượn đen má trắng	Nomascus leucogenys	X	IB
73.	Vượn cao vút	Nomascus nasutus	X	IB
74.	Vượn siki	Nomascus siki	X	IB
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA		
	Họ Chó	Canidae		
75.	Sói đỏ	Cuon alpinus	X	IB
76.	Chó rừng	Canis aureus	X	IB
77.	Cáo lửa	Vulpes vulpes		IB
	Họ Gấu	Ursidae		
78.	Gấu chó	Helarctos malayanus	X	IB
79.	Gấu ngựa	Ursus thibetanus	X	IB
	Họ Chồn	Mustelidae		
80.	Rái cá vuốt bé	Aonyx cinerea	X	IB
81.	Rái cá thường	Lutra lutra	X	IB
82.	Rái cá lông mũi	Lutra sumatrana	X	IB
83.	Rái cá lông mượt	Lutrogale perspicillata	X	IB

	Họ Cây	Viverridae		
84.	Cầy mực	Arctictis binturong	X	IB
85.	Cầy vằn	Chrotogale owstoni	X	IB
86.	Cầy gấm	Prionodon pardicolor	X	IB
87.	Cầy giông đốm lớn	Viverra megaspila	X	IB
	Họ Mèo	Felidae		
88.	Báo lửa	Catopuma temminckii	X	IB
89.	Báo gấm	Neofelis nebulosa	X	IB
90.	Báo hoa mai	Panthera pardus	X	IB
91.	Hổ	Panthera tigris	X	IB
92.	Mèo gấm	Pardofelis marmorata	X	IB
93.	Mèo cá	Prionailurus viverrinus	X	IB
	BỘ CÓ VÒI	PROBOSCIDEA		
	Họ Voi	Elephantidae		
94.	Voi châu á	Elephas maximus	X	IB
	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN LẺ	PERISSODACTYLA		
	Họ Tê giác	Rhinocerotidae		
95.	Tê giác một sừng	Rhinoceros sondaicus	X	IB
	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHÂN	ARTIODACTYLA		
	Họ Cheo cheo	Tragulidae		
96.	Cheo cheo việt nam	Tragulus versicolor	X	IB
	Họ Hươu nai	Cervidae		
97.	Hươu vàng	Axis porcinus	X	IB
98.	Hươu xạ	Moschus berezovskii	X	IB

99.	Mang roosevelt	Muntiacus rooseveltorum	X	IB
100.	Mang trường sơn	Muntiacus truongsonensis	X	IB
101.	Mang lớn	Muntiacus vuquangensis	X	IB
102.	Nai cà tong	Rucervus eldii	X	IB
	Họ Trâu bò	Bovidae		
103.	Bò tót	Bos gaurus	X	IB
104.	Bò rừng	Bos javanicus	X	IB
105.	Sơn dương	Capricornis milneedwardsii	X	IB
106.	Sao la	Pseudoryx nghetinhensis	X	IB
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA		
	Họ Tê tê	Manidae		
107.	Tê tê java	Manis javanica	X	IB
108.	Tê tê vàng	Manis pentadactyla	X	IB
	BỘ THỎ	LAGOMORPHA		
	Họ Thỏ rừng	Leporidae		
109.	Thỏ vằn	Nesolagus timminsi	X	IB
	BỘ CÁ VOI	CETACEA		
	Họ Cá heo	Delphinidae		
110.	Cá heo trắng trung hoa	Sousa chinensis	X	
	BỘ HẢI NGƯU	SIRENIA		
	Họ Cá cúi	Dugongidae		
111.	Bò biển	Dugong dugon	X	
	BỘ RÙA	TESTUDINES		
	Họ Vích	Cheloniidae		

112.	Rùa biển đầu to (Quần đồng)	Caretta caretta	X	
113.	Vích	Chelonia mydas	X	
114.	Đồi mồi	Eretmochelys imbricata	X	
115.	Đồi mồi dứa	Lepidochelys olivacea	X	
	Họ Rùa da	Dermochelyidae		
116.	Rùa da	Dermochelys coriacea	X	

Nhóm IIB/ IIB Group

TT No	Tên Tiếng Việt Vietnamese name	Tên khoa học Scientific name	Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Endangered, rare, and precious species are given priority for protection.	<i>Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm</i> Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
B	ĐỘNG VẬT			
	LỚP CÔN TRÙNG	INSECTA		
	BỘ CÁNH CỨNG	COLEOPTERA		
	Họ Bọ hung	Scarabaeidae		
1.	Cua bay việt nam	Cheirotonus battareli		IIB
2.	Cua bay đen	Cheirotonus jansoni		IIB

	BỘ CÁNH VÂY	LEPIDOPTERA		
	Họ Bướm phượng	Papilionidae		
3.	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	Teinopalpus aureus		IIB
4.	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	Teinopalpus imperialis		IIB
5.	Bướm phượng cánh chim chấm rời	Troides aeacus		IIB
6.	Bướm phượng cánh chim chấm liền	Troides helena		IIB
	LỚP LƯỠNG CỤ	AMPHIBIA		
	BỘ CÓ ĐUÔI	CAUDATA		
	Họ Cá cóc	Salamandridae		
7.	Các loài cá cóc thuộc giống Paramesotriton	Paramesotriton spp.		IIB
8.	Các loài cá cóc thuộc giống Tylototriton	Tylototriton spp.		IIB
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA		
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA		
	Họ Nhông	Agamidae		
9.	Rồng đất	Physignathus cocincinus		IIB
	Họ Thạch sùng mí	Eublepharidae		
10.	Các loài thạch sùng mí thuộc giống Goniurosaurus	Goniurosaurus spp.		IIB

	Họ Tắc kè	Gekkonidae		
11.	Tắc kè hoa	Gekko gecko		IIB
12.	Tắc kè ri-vờ	Gekko reevesii		
	Họ Kỳ đà	Varanidae		
13.	Kỳ đà hoa	Varanus salvator		IIB
	Họ Trăn	Pythonidae		
14.	Trăn cột	Python brongersmai (trước đây là Python curtus)		IIB
15.	Trăn đất	Python bivittatus (trước đây là Python molurus)		IIB
16.	Trăn gấm	Malayopython reticulatus (Python reticulatus)		IIB
	Họ Rắn nước	Colubridae		
17.	Rắn ráo trâu	Ptyas mucosa		IIB
	Họ Rắn hổ	Elapidae		
18.	Rắn hổ mang trung quốc	Naja atra		IIB
19.	Rắn hổ mang một mắt kính	Naja kaouthia		IIB
20.	Rắn hổ mang xiêm (Rắn hổ mang thái lan)	Naja siamensis		IIB
	BỘ RÙA	TESTUDINES		
	Họ Rùa đầm	Geoemydidae		
21.	Rùa hộp lưng đen	Cuora amboinensis		IIB
22.	Rùa sa nhân	Cuora mouhotii		IIB
23.	Rùa đất atripon	Cyclemys atripons		IIB
24.	Rùa đất châu á	Cyclemys dentata		IIB
25.	Rùa đất âu-ham (Rùa đất sê-pôn)	Cyclemys oldhamii		IIB

26.	Rùa đất pulkin	Cyclemys pulchristriata		IIB
27.	Rùa đất spengler	Geoemyda spengleri		IIB
28.	Rùa răng	Heosemys annandalii		IIB
29.	Rùa đất lớn	Heosemys grandis		IIB
30.	Rùa ba gờ	Malayemys subtrijuga		IIB
31.	Rùa câm	Mauremys mutica		IIB
32.	Rùa bốn mắt	Sacalia quadriocellata		IIB
33.	Rùa cổ bự	Siebenrockiella crassicolis		IIB
	Họ Rùa núi	Testudinidae		
34.	Rùa núi vàng	Indotestudo elongata		IIB
35.	Rùa núi viền	Manouria impressa		IIB
	Họ Ba ba	Trionychidae		
36.	Cua đinh (Ba ba nam bộ)	Amyda ornata (trước đây là Amyda cartilaginea)		IIB
37.	Ba ba gai	Palea steindachneri		IIB
	LỚP CHIM	AVES		
	BỘ GÀ	GALLIFORMES		
	Họ Trĩ	Phasianidae		
38.	Gà so họng trắng	Arborophila brunneopectus		IIB
39.	Gà so ngực gụ	Arborophila chloropus		IIB
40.	Gà so họng hung	Arborophila rufogularis		IIB
41.	Gà so họng đen	Arborophila torqueola		IIB
42.	Gà lôi hông tía	Lophura diardi		IIB
43.	Gà lôi trắng	Lophura nycthemera		IIB
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES		
	Họ Vịt	Anatidae		
44.	Vịt đầu đen	Aythya baeri		IIB

45.	Vịt mỏ nhọn	Mergus squamatus		IIB
	BỘ CU CU	CUCULIFORMES		
	Họ Cu cu	Cuculidae		
46.	Phướn đất	Carpococcyx renauldi		IIB
	BỘ BỒ CÂU	COLUMBIFORMES		
	Họ Bồ câu	Columbidae		
47.	Bồ câu nâu	Columba punicea		IIB
	BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES		
	Họ Rễ	Scolopacidae		
48.	Rễ lớn ngực đỏm	Calidris tenuirostris		IIB
49.	Choắt mỏ cong hông nâu	Numenius madagascariensis		IIB
	Họ Mòng biển	Laridae		
50.	Nhàn bụng đen	Sterna acuticauda		IIB
	BỘ HẠC	CICONIIFORMES		
	Họ Hạc	Ciconiidae		
51.	Hạc đen	Ciconia nigra		IIB
	BỘ BỒ NÔNG	PELECANIFORMES		
	Họ Cò quắm	Threskiornithidae		
52.	Quắm đầu đen	Threskiornis melanocephalus		IIB
	BỘ ƯNG	ACCIPITRIFORMES		
	Họ Ó cá	Pandionidae		
53.	Ó cá	Pandion haliaetus		IIB
	Họ Ưng	Accipitridae		
54.	Diều trắng	Elanus caeruleus		IIB
55.	Diều ăn ong	Pernis ptilorhynchus		IIB
56.	Diều hoa jerdon	Aviceda jerdoni		IIB
57.	Diều mào	Aviceda leuphotes		IIB

58.	Đại bàng đầu trọc	<i>Aegypius monachus</i>		IIB
59.	Diều ngón ngắn	<i>Circaetus gallicus</i>		IIB
60.	Diều đầu nâu	<i>Nisaetus cirrhatus</i>		IIB
61.	Diều núi	<i>Nisaetus nipalensis</i>		IIB
62.	Đại bàng bụng hung	<i>Lophotriorchis kienerii</i>		IIB
63.	Đại bàng mã lai	<i>Ictinaetus malayensis</i>		IIB
64.	Đại bàng đầu hung	<i>Aquila chrysaetos</i>		IIB
65.	Đại bàng đen	<i>Aquila clanga</i>		IIB
66.	Đại bàng má trắng	<i>Aquila fasciata</i>		IIB
67.	Đại bàng hung	<i>Aquila nipalensis</i>		IIB
68.	Đại bàng nâu	<i>Aquila rapax</i>		IIB
69.	Ưng xám	<i>Accipiter badius</i>		IIB
70.	Ưng lớn	<i>Accipiter gentilis</i>		IIB
71.	Ưng nhật bản	<i>Accipiter gularis</i>		IIB
72.	Ưng mày trắng	<i>Accipiter nisus</i>		IIB
73.	Ưng lưng đen	<i>Accipiter soloensis</i>		IIB
74.	Ưng ấn độ	<i>Accipiter trivirgatus</i>		IIB
75.	Ưng bụng hung	<i>Accipiter virgatus</i>		IIB
76.	Diều đầu xám	<i>Circus aeruginosus</i>		IIB
77.	Diều hen	<i>Circus cyaneus</i>		IIB
78.	Diều bụng trắng	<i>Circus macrourus</i>		IIB
79.	Diều mướp	<i>Circus melanoleucos</i>		IIB
80.	Diều đầu trắng	<i>Circus spilonotus</i>		IIB
81.	Diều hâu	<i>Milvus migrans</i>		IIB
82.	Diều lửa	<i>Haliastur indus</i>		IIB
83.	Đại bàng biển đuôi trắng	<i>Haliaeetus albicilla</i>		IIB

84.	Đại bàng biển bụng trắng	Haliaeetus leucogaster		IIB
85.	Đại bàng biển đuôi đen	Haliaeetus leucoryphus		IIB
86.	Diều cá bé	Ichthyophaga humilis		IIB
87.	Diều cá đầu xám	Ichthyophaga ichthyaetus		IIB
88.	Diều ấn độ	Butastur indicus		IIB
89.	Diều xám	Butastur liventer		IIB
90.	Diều nhật bản	Buteo burmanicus		IIB
	BỘ CÚ	STRIGIFORMES		
	Họ Cú lợn	Tytonidae		
91.	Cú lợn lưng xám	Tyto alba		IIB
92.	Cú lợn lưng nâu	Tyto longimembris		IIB
93.	Cú lợn rừng	Phodilus badius		IIB
	Họ Cú mèo	Strigidae		
94.	Cú mèo khoang cổ	Otus lettia		IIB
95.	Cú mèo latuơ	Otus spilocephalus		IIB
96.	Cú mèo nhỏ	Otus sunia		IIB
97.	Dù dỉ nê pan	Bubo nipalensis		IIB
98.	Dù dỉ hung	Ketupa flavipes		IIB
99.	Dù dỉ kêtupu	Ketupa ketupu		IIB
100.	Dù dỉ phương đông	Ketupa zeylonensis		IIB
101.	Hù	Strix leptogrammica		IIB
102.	Hù nivicon	Strix nivicola		IIB
103.	Hù phương đông	Strix seloputo		IIB
104.	Cú vọ mặt trắng	Glaucidium brodiei		IIB
105.	Cú vọ	Glaucidium cuculoides		IIB
106.	Hù trán trắng	Athene brama		IIB

107.	Cú vọ lưng nâu	Ninox scutulata		IIB
108.	Cú lửa	Asio flammeus		IIB
	BỘ HỒNG HOÀNG	BUCEROTIFORMES		
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae		
109.	Cao cát bụng trắng	Anthracoceros albirostris		IIB
	BỘ CẮT	FALCONIFORMES		
	Họ Cắt	Falconidae		
110.	Cắt nhỏ họng trắng	Polihierax insignis		IIB
111.	Cắt nhỏ bụng hung	Microhierax caerulescens		IIB
112.	Cắt nhỏ bụng trắng	Microhierax melanoleucos		IIB
113.	Cắt amur	Falco amurensis		IIB
114.	Cắt lưng xám	Falco columbarius		IIB
115.	Cắt ấn độ	Falco jugger		IIB
116.	Cắt bụng hung	Falco severus		IIB
117.	Cắt trung quốc	Falco subbuteo		IIB
118.	Cắt lưng hung	Falco tinnunculus		IIB
	BỘ VỆT	PSITTACIFORMES		
	Họ Vẹt	Psittacidae		
119.	Vẹt ngực đỏ	Psittacula alexandri		IIB
120.	Vẹt má vàng	Psittacula eupatria		IIB
121.	Vẹt đầu xám	Psittacula finschii		IIB
122.	Vẹt đầu hồng	Psittacula roseata		IIB
123.	Vẹt lùn	Loriculus vernalis		IIB
	BỘ SẺ	PASSERIFORMES		
	Họ Đuôi cụt	Pittidae		
124.	Đuôi cụt đầu đỏ	Hydrornis cyanea		IIB

125.	Đuôi cụt bụng vàng	Hydrornis elliotii		IIB
126.	Đuôi cụt gáy xanh	Hydrornis nipalensis		IIB
127.	Đuôi cụt đầu hung	Hydrornis oatesi		IIB
128.	Đuôi cụt nâu	Hydrornis phayrei		IIB
129.	Đuôi cụt đầu xám	Hydrornis soror		IIB
130.	Đuôi cụt cánh xanh	Pitta moluccensis		IIB
131.	Đuôi cụt bụng đỏ	Pitta nympha		IIB
132.	Đuôi cụt đầu đen	Pitta sordida		IIB
	Họ Chuối tiêu	Pellorneidae		
133.	Khướu đuôi cụt họng trắng	Rimotor pasquieri		IIB
	Họ Khướu	Leiothrichidae		
134.	Khướu vàng đầu đen	Actinodura sodangorum		IIB
135.	Khướu lưng đỏ	Cutia legalleni		IIB
136.	Khướu khoang cổ	Garrulax monileger		IIB
137.	Khướu đầu trắng	Garrulax leucolophus		IIB
138.	Khướu đầu đen	Garrulax milleti		IIB
139.	Khướu xám	Garrulax maesi		IIB
140.	Khướu má hung	Garrulax castanotis		IIB
141.	Họa mi	Garrulax canorus		IIB
142.	Khướu ngực đỏm	Garrulax merulinus		IIB
143.	Kim oanh tai bạc	Leiothrix argenteauris		IIB
144.	Kim oanh mỏ đỏ	Leiothrix lutea		IIB
145.	Khướu mặt đỏ	Liocichla ripponi		IIB

146.	Khướu họng trắng	Pterorhinus albogularis		IIB
147.	Khướu bạc má	Pterorhinus chinensis		IIB
148.	Khướu bụng vàng	Pterorhinus gularis		IIB
149.	Khướu ngực đen	Pterorhinus pectoralis		IIB
150.	Liều điều	Pterorhinus perspicillatus		IIB
151.	Bồ chiêu	Pterorhinus sannio		IIB
152.	Khướu đầu xám	Pterorhinus vassali		IIB
153.	Khướu mặt đen	Trochalopteron affine		IIB
154.	Khướu cánh đỏ	Trochalopteron formosum		IIB
155.	Khướu tai bạc	Trochalopteron melanostigma		IIB
156.	Khướu đuôi đỏ	Trochalopteron milnei		IIB
157.	Khướu vảy	Trochalopteron squamatus		IIB
158.	Khướu vằn	Trochalopteron subunicolor		IIB
	Họ Đớp ruồi	Muscicapidae		
159.	Chích chòe lửa	Copsychus malabaricus		IIB
	Họ Sáo	Sturnidae		
160.	Yểng	Gracula religiosa		IIB
	LỚP THÚ	MAMMALIA		
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA		
	Họ Cây bay	Cynocephalidae		
161.	Chồn bay	Galeopterus variegatus		IIB
	BỘ DƠI	CHIROPTERA		
	Họ Dơi quả	Pteropodidae		
162.	Dơi ngựa bé	Pteropus hypomelanus		IIB

163.	Dơi ngựa ly-lê	Pteropus lylei		IIB
164.	Dơi ngựa lớn	Pteropus vampyrus		IIB
	BỘ Gặm nhấm	RODENTIA		
	Họ chuột	Muridae		
165.	Chuột đá lào	Laonastes aenigmamus		IIB
	Họ Sóc	Sciuridae		
166.	Sóc hòn khoai	Callosciurus honkhoaiensis		IIB
167.	Sóc bay trâu	Petaurista philippensis		IIB
168.	Sóc đen	Ratufa bicolor		IIB
	BỘ Linh trưởng	PRIMATES		
	Họ Khỉ	Cercopithecidae		
169.	Khỉ mặt đỏ	Macaca arctoides		IIB
170.	Khỉ mốc	Macaca assamensis		IIB
171.	Khỉ đuôi dài	Macaca fascicularis		IIB
172.	Khỉ đuôi lợn	Macaca leonina		IIB
173.	Khỉ vàng	Macaca mulatta		IIB
	BỘ Móng guốc chẵn	ARTIODACTYLA		
	Họ Choe cheo	Tragulidae		
174.	Choe cheo	Tragulus kanchil		IIB
	Họ Hươu nai	Cercidae		
175.	Mang thường (Hoẵng)	Muntiacus vagibalis (trước đây là Muntiacus muntjak)		IIB
176.	Nai	Rusa unicolor		IIB
	BỘ Thỏ	LAGOMORPHA		
	Họ Thỏ rừng	Leporidae		

177.	Thỏ rừng trung hoa	Lepus sinensis		IIB
	BỘ ĂN THỊT	CARNIVORA		
	Họ Chó	Canidae		
178.	Lửng chó	Nyctereutes procyonoides		IIB
	Họ Cầy	Viverridae		
179.	Cầy tai trắng	Arctogalidia trivirgata		IIB
180.	Cầy vòi mốc	Paguma larvata		IIB
181.	Cầy vòi hương	Paradoxurus hermaphroditus		IIB
182.	Cầy giông	Viverra zibetha		IIB
183.	Cầy hương	Viverricula indica		IIB
	Họ Chồn	Mustelidae		
184.	Lửng lợn	Arctogalidia collaris		IIB
185.	Các loài chồn bạc má thuộc giống Melogale	Melogale spp.		IIB
	Họ Mèo	Felidae		
186.	Mèo ri	Felis chaus		IIB
187.	Mèo rừng	Prionailurus bengalensis		IIB

***Lưu ý:** Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học, tên tiếng Việt chỉ có giá trị tham khảo.